TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2023.
V/v tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị H, sinh ngày 06/01/1988.

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Phan Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Phan Văn T chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Số: 132, ngày 04/12/2014. Quá trình chung sống ông, bà có 04 người con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 các con hiện đang sống với bà H.

Do vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẩn gay gắt nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà

đã ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Phan Văn T, sinh năm 1985.

- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 04 người con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 các con hiện đang sống với bà H. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2023.

Đối với bị đơn ông Phan Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Do 04 người con chung là cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 hiện đang sống với bà H. Ông T không có yêu cầu nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P, cháu T1 và cháu T2 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung bà H tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2014, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 15/3/2023: thì nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do vợ chồng không cùng quan điểm nên đã ly thân nhau. Ông T biết việc bà H khởi kiện nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ông T không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bỡi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 04 người con chung là cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 hiện đang sống với bà H. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Riêng bị đơn không có ý kiến gì về con chung.

Xét thấy, con chung đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao các con chung là cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013 và Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách tại Công văn số: 143/P.LĐTBXH ngày 31/3/2023. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H ly hôn ông Phan Văn T.

[2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013, Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và Phan Ngọc T3, sinh ngày 14/5/2018 hiện đang sống với bà Lê Thị H cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của các cháu Lê Văn P, sinh ngày 14/6/2007, Lê Minh T1, sinh ngày 03/3/2013 và Phan Minh T2, sinh ngày 07/02/2015 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách. Ông Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Phan Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị H không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Do bà Lê Thị H tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Lê Thị H tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Lê Thị H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006299 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp thêm. Ông Phan Văn T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa P, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND xã N,
huyện M, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình